

Bản án số: 136/2024/DS-PT
Ngày: 20 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực

Ông Phạm Văn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhà, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1963 (Có mặt)

Trú tại: ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1961, trú tại: ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2022).(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị R: Luật sư Tống Văn V, Công ty L1 thuộc đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị R: Luật sư Hồ Kim H1, Văn phòng luật sư Trương Hoàng P thuộc đoàn luật sư tỉnh T.

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn V1, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Trú tại: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hoàng O, Văn phòng L2 thuộc đoàn luật sư tỉnh T.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1953 (vắng mặt)

- Trú tại: **ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**
2. Bà **Huỳnh Thị Q**, sinh năm 1955 (vắng mặt)
Trú tại: **ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**
3. Bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1957 (vắng mặt)
Trú tại: **ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**
4. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1959 (có mặt)
5. Bà **Huỳnh Thị R**, sinh năm 1961 (có mặt)
Cùng trú tại: **ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**
6. Bà **Huỳnh Thị H2**, sinh năm 1967 (có mặt)
Trú tại: **ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**
7. Bà **Lê Thị Ú**, sinh năm 1968 (có mặt)
8. Chị **Huỳnh Thị Hồng T1**, sinh năm 1987 (vắng mặt)
9. Anh **Huỳnh Văn P1**, sinh năm 1993 (có mặt)
Đồng trú tại: **ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**
- Người đại diện hợp pháp của chị **Huỳnh Thị Hồng T1**: Chị **Huỳnh Thị T2**, sinh năm 1990, trú tại: **ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh** (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/01/2021) (vắng mặt).*
10. Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1967 (có mặt)
11. Chị **Huỳnh Thị H3**, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)
12. Anh **Huỳnh Văn H4**, sinh năm 1986 (có mặt)
13. Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt)
Cùng trú tại: **ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**
14. **Ngân hàng N3**. Địa chỉ trụ sở chính: **Số B L, phường T, quận B, Hà Nội.**
Người đại diện: ông **Phạm Toàn V2** – Tổng giám đốc. Người đại diện theo quyền của ông **Phạm Toàn V2** là ông **Nguyễn Văn N2** - Giám đốc **Ngân hàng N3 chi nhánh huyện C**. Địa chỉ: **Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.** (có đơn xin vắng mặt)
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà **Huỳnh Thị R**, **Huỳnh Thị T**, **Huỳnh Thị Đ**, **Huỳnh Thị Q** và **Huỳnh Thị H2**: Luật sư **Hồ Kim H1** - Văn phòng luật sư **Trương Hoàng P** thuộc Đoàn luật sư tỉnh **T**.*
- *Người kháng cáo:* Ông **Huỳnh Văn H** là nguyên đơn, bà **Huỳnh Thị R**, **Huỳnh Thị T**, **Huỳnh Thị Đ**, **Huỳnh Thị Q** và **Huỳnh Thị H2** là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà **Huỳnh Thị R** là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Cha mẹ của bà và ông **H** là cụ **Huỳnh Văn H5** (chết ngày 02/01/2016) và cụ **Huỳnh Thị L** (chết ngày 14/5/2016), hai cụ chết không để lại di chúc. Cụ **H5**, cụ **L** có chung 08 người con, gồm: **Huỳnh Thị N**, **Huỳnh Thị Q**, **Huỳnh Thị Đ**, **Huỳnh Thị T**, **Huỳnh Thị R**, **Huỳnh Thị H2**, **Huỳnh Văn H**, **Huỳnh Văn V1**. Ngoài ra cụ **H5**, cụ **L** không còn người con nào khác.*

Khi còn sống, cụ H5, cụ L có tạo lập được được 03 thửa đất gồm thửa đất 227, diện tích 849m²; thửa 330, diện tích 280m² và thửa 332A, diện tích 3.567m² các thửa đất có cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nguồn gốc đất cụ H5, cụ L sử dụng từ trước năm 1975, cụ H5 kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất vào năm 1996.

Năm 2012, ông Huỳnh Văn V1 tự ý làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất từ cha là Huỳnh Văn H5 sang Huỳnh Văn V1, lúc này cha bà đã 88 tuổi, mẹ bà đã 83 tuổi. Việc ông V1 làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng ba thửa đất nêu trên cha mẹ bà, bà và các anh chị em khác không ai hay biết. Ba thửa đất trên mặc dù ông V1 đứng tên nhưng ông H là người trực tiếp canh tác sử dụng từ năm 2016 và thờ cúng cha mẹ không ai ngăn cản, các chị em đều đồng ý cho ông H sử dụng, cho đến khi ông H khởi kiện tranh chấp thì gia đình bà N1 ngăn cản nên bỏ đất trống không ai sử dụng nữa. Trên thửa đất có căn nhà tol do bà N1 cất và hàng rào lưới B40 do ông H rào nhưng không xác định nhà, rào lưới trên thửa đất nào. Ngoài ra, quá trình sử dụng ông H có bơm cát san lấp ao trên thửa đất 227 và thửa 332A tổng cộng 04 ghe, mỗi ghe 30 khối giá 01 ghe là 3.500.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000 đồng và mướn xe cuộc dọn dẹp vườn chi phí hết 6.000.000 đồng để cất trại chăn nuôi gà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ cụ Huỳnh Văn H5 với hộ ông Huỳnh Văn V1 đối với ba thửa đất số 332A, diện tích 3.567m², thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa đất số 227, diện tích 849m².

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 332A, diện tích 3.567m², loại đất ở và trồng cây lâu năm; thửa đất số 330, diện tích 280m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 227, diện tích 849m², loại đất trồng cây lâu năm; các thửa đất đều tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn V1.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và xin chia cho ông H hưởng các kỷ phần như sau:

+ Thửa đất số 332A, diện tích 3.567m² (hiện trạng đo đạc 3372,2m²), chia 08 phần, chia cho ông H hưởng một phần.

+ Thửa đất số 330, diện tích 280m² (hiện trạng đo đạc 271m²) chia 08 phần, chia cho ông H hưởng một phần.

+ Thửa đất số 227, diện tích 849m² (hiện trạng đo đạc 1013,6m²) chia 08 phần, chia cho ông H hưởng một phần.

Và cho ông H được hưởng các kỷ phần thừa kế có tài sản là nhà ở và cây trồng gắn liền với đất.

Về phần bà nếu được hưởng di sản thừa kế của cụ H5, cụ L thì phần bà được hưởng bà từ chối nhận và tự nguyện giao cho ông H sử dụng vì ông H thờ cúng cha mẹ.

Đối với phần diện tích đất ngang 02 mét, dài khoảng 114 mét (hiện trạng đo đạc ngang 2,5 mét, dài 112,43 mét) trong thửa đất số 332A mà trước đây ông V1 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn D để làm đường đi bà thống nhất phần đất này để cho ông D tiếp tục sử dụng, không yêu cầu chia.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà là vợ hợp pháp của ông Huỳnh Văn V1. Cha chồng bà là cụ Huỳnh Văn H5 và cụ Huỳnh Thị L. Cụ H5, cụ L có ba thửa đất gồm thửa đất 227, diện tích 849m²; thửa 330, diện tích 280m² và thửa 332A, diện tích 3.567m² các thửa đất có cùng tờ bản đồ số 7, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trên đất có căn nhà tình thương do nhà nước xây dựng cho cha mẹ chồng, không rõ nhà nằm trên thửa đất nào. Khi cụ H5, cụ L còn sống thì gia đình bà sống chung với hai cụ. Do con gái thứ ba của vợ chồng bà bị bệnh tim không có tiền chữa trị nên vợ chồng bà về quê của bà kiếm sống làm lo chữa bệnh cho con nhưng sau đó con vợ chồng bà chết. Vì nghèo khó gia đình bà bàn nhau ông V1 ở lại chăm sóc cha mẹ, còn bà và hai người con đi lên tỉnh Bình Dương làm thuê. Năm 2012, cụ H5 giao tất cả quyền sử dụng đất cho ông V1. Do vợ chồng bà đi làm xa nên không sử dụng nữa mà để lại cho ông H hái dừa làm đám giỗ cho cụ H5, cụ L. Sau đó bà về quê mới hay ông H đã đập bỏ căn nhà và đòi dời mộ cha mẹ về xã L còn mộ con bà thì ông H kêu dời đi nơi khác. Ông H còn kêu bán thửa đất số 330, diện tích 280m². Đến năm 2018 ông V1 bỏ xứ đi biệt tích, gia đình bà tìm kiếm nhiều nơi nhưng đến nay cũng không có tin tức gì của ông V1. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông V1 đã thế chấp Ngân hàng N3 chi nhánh huyện C vay vốn. Đến năm 2020, bà đã trả hết nợ vay cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng chưa trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại do V1 ký thế chấp khi nào ông V1 đến nhận thì Ngân hàng mới trả. Nay bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Văn H, đòi hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ cụ Huỳnh Văn H5 với hộ ông Huỳnh Văn V1, Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 332A, 330, 227 đã cấp cho hộ ông Huỳnh Văn V1 để chia thừa kế vì các đất này cha mẹ cho ông V1 đứng tên chủ quyền hợp pháp.

Đối với phần diện tích đất ngang 02 mét, dài khoảng 114 mét hiện trạng đo đạc ngang 2,5 mét, dài 112,43 mét trong thửa đất số 332A mà trước đây ông V1 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn D để làm đường đi bà thống nhất phần đất này để cho ông D tiếp tục sử dụng, không yêu cầu gì.

Đối với số tiền 9.600.000 đồng bà bỏ ra bù vào để xây dựng căn nhà tình thương do Nhà nước xây dựng tặng cụ H5, cụ L mà ông H tự ý phá dỡ căn nhà thì bà yêu cầu ông H hoàn trả lại cho bà số tiền này.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa bà Lê Thị Ú trình bày: Bà là vợ hợp pháp của ông H. Đối với việc tranh chấp do ông H quyết định bà không có ý kiến yêu cầu gì.

Đối với chi phí bỏ ra tôn tạo trên đất nếu yêu cầu của ông **H** không được chấp nhận bà yêu cầu người sử dụng đất phải hoàn trả lại cho ông **H**.

*Theo bản tự khai và tại phiên hoà giải anh **Huỳnh Văn P1** trình bày:* Anh là con ông **Huỳnh Văn H**, bà **Lê Thị Ú**, đối với việc tranh chấp do ông **H** quyết định anh không có ý kiến yêu cầu gì.

*Theo bản tự khai và tại phiên toà chị **Huỳnh Thị T2** trình bày:* Chị là con ông **Huỳnh Văn H**, bà **Lê Thị Ú** và là đại diện uỷ quyền của **Huỳnh Thị Hồng T1**. Đối với việc tranh chấp do ông **H** quyết định chị không có ý kiến yêu cầu gì.

*Theo bản tự khai bà **Huỳnh Thị Đ** trình bày:* Bà là con ruột cụ **Huỳnh Văn H5** và cụ **Huỳnh Thị L**. Bà thống nhất như lời trình bày của bà **R** về thời gian chết của cụ **H5**, cụ **L**, phần tài sản và con chung của cụ **H5**, cụ **L**. Khi còn sống cha mẹ ở một mình, lúc tuổi già bà và bà **R** thay nhau chăm sóc nuôi dưỡng cụ **H5**, còn bà **Q** chăm sóc nuôi dưỡng cụ **L**. Còn gia đình ông **V1** không ai chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, bà **N1** thì bỏ đi khoảng 20 năm, ông **V1** bỏ đi khoảng 08 năm. Khi cha mẹ chết vợ chồng ông **V1**, bà **N1** không ai về. Đến khi chị em bà bàn bạc muốn bán miếng đất nhỏ để xây dựng nhà mồ cho cha mẹ thì bà **N1** về ngăn cản. Nay bà thống nhất yêu cầu của ông **H** và nếu được hưởng di sản thừa kế của cha mẹ thì phần bà được hưởng bà từ chối nhận và tự nguyện giao cho ông **H** sử dụng vì ông **H** thờ cúng cha mẹ. Đối với phần diện tích đất ngang 02 mét, dài khoảng 114 mét hiện trạng đo đạc ngang 2,5 mét, dài 112,43 mét trong thửa đất số 332A mà trước đây ông **V1** chuyển nhượng cho ông **Huỳnh Văn D** để làm đường đi bà thống nhất phần đất này để cho ông **D** tiếp tục sử dụng, không yêu cầu gì.

*Theo bản khai và tại phiên toà bà **Huỳnh Thị T** và **Huỳnh Thị H2** trình bày:* Hai bà là con ruột cụ **Huỳnh Văn H5** và cụ **Huỳnh Thị L**. Hai bà thống nhất như lời trình bày của bà **R** về thời gian chết, con chung của cụ **H5**, cụ **L** và tài sản tạo lập được cũng như quá trình sử dụng đất và chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ. Khi cha mẹ chết do ông **H** đứng ra lo liệu và thờ cúng cho đến nay. Nay hai bà thống nhất yêu cầu của ông **H** và nếu được hưởng di sản thừa kế của cha mẹ thì phần hai bà được hưởng hai bà từ chối nhận và tự nguyện giao cho ông **H** sử dụng vì ông **H** thờ cúng cha mẹ.

Đối với phần diện tích đất ngang 02 mét, dài khoảng 114 mét hiện trạng đo đạc ngang 2,5 mét, dài 112,43 mét trong thửa đất số 332A mà trước đây ông **V1** chuyển nhượng cho ông **Huỳnh Văn D** để làm đường đi hai bà thống nhất phần đất này để cho ông **D** tiếp tục sử dụng, không yêu cầu gì.

*Theo bản tự khai bà **Huỳnh Thị Q** trình bày:* Bà là con ruột cụ **Huỳnh Văn H5** và cụ **Huỳnh Thị L**. Về di sản của cụ **H5**, cụ **L** nếu bà được chia thì phần của bà được hưởng bà giao cho ông **H** sử dụng vì ông **H** thờ cúng cha mẹ.

*Theo biên bản lấy lời khai bà **Huỳnh Thị N** trình bày:* Bà là con ruột cụ **Huỳnh Văn H5** và cụ **Huỳnh Thị L**. Cha mẹ có tạo lập được 03 thửa đất số 332A, diện tích

3.567m²; thửa đất số 330, ; diện tích 280m²; thửa đất số 227, diện tích 849m². Nguồn gốc ba thửa đất này do Nhà nước cấp cho cha mẹ và cha kê khai được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất vào năm 1996. Sau đó không nhớ năm nào cha mẹ đã cho ông **V1** ba thửa đất trên. Ngoài ra khi cưới vợ cha mẹ có cho ông **H** khoảng 03 công ở **xã L, thành phố T** và cho **V1** hơn 03 công ở **ấp L, xã Đ**. Nay nếu cha mẹ có để lại di sản thừa kế thì phần bà được hưởng bà từ chối nhận và tự nguyện giao cho ông **V1** phần của bà.

Đối với phần diện tích đất mà trước đây ông **V1** chuyển nhượng cho ông **Huỳnh Văn D** để làm đường đi bà thống nhất phần đất này để cho ông **D** tiếp tục sử dụng.

*Theo bản tự khai và tại phiên toà anh **Huỳnh Văn H4** trình bày:* Anh là con ruột ông **Huỳnh Văn V1**, bà **Nguyễn Thị N1**. Ông **V1** bỏ đi không có tin tức gì từ năm 2018 đến nay, anh và gia đình nhiều lần tìm kiếm không gặp. Đối với việc tranh chấp các thửa đất 227, diện tích 849m²; thửa 330, diện tích 280m² và thửa 332A, diện tích 3.567m² thì anh không có ý kiến do cha mẹ quyết định.

*Theo bản tự khai ông **Huỳnh Văn D** trình bày:* Vào ngày 19/5/2014 ông có chuyển nhượng của ông **Huỳnh Văn V1** phần đất để làm đường đi có chiều ngang 02 mét, chiều dài 114 mét trong thửa đất số 332A, có làm giấy tay đến nay chưa tách thửa sang tên do diện tích nhỏ. Đối với phần đất này ông không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long đã xử:

Căn cứ vào các Điều 29, 35, 39, 227, 228; Điều 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 100; Điều 166; Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Các Điều 467, 722, 723, 724, 725, 726 của Bộ luật Dân sự 2005. Các Điều 166, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Văn H** về việc Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ cụ **Huỳnh Văn H5** với hộ ông **Huỳnh Văn V1** đối với các thửa đất số 227, diện tích 849m²; thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa đất số 332A, diện tích 3.567m². Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 227, diện tích 849m²; Thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa đất số 332A, diện tích 3.567m² đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Huỳnh Văn V1**. Và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất số 227, diện tích 849m²; thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa đất số 332A, diện tích 3.567m².

Buộc hộ ông **Huỳnh Văn V1** gồm ông **Huỳnh Văn V1**, bà **Nguyễn Thị N1**, anh **Huỳnh Văn H4**, chị **Huỳnh Thị H3** hoàn trả cho ông **Huỳnh Văn H** chi phí tôn tạo

trên đất số tiền là 21.433.600 đồng

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/01/2024 ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị R, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị Q và Huỳnh Thị H2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu Hủy hợp đồng tặng cho, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Văn V1 chia thừa kế 03 thửa đất 227, 330, 332 A diện tích 4.696 m² trừ phần đất mộ và đường đi của ông D còn lại chia làm 8 phần giao cho ông H để thờ cúng cha mẹ.

Ngày 03/01/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long ban hành quyết định số 14/QĐ-VKS-DS kháng nghị bản án số 113/2023/DSST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Luật sư Hồ Kim H1 và Luật sư Tống Văn V là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan bên nguyên đơn: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ H5, cụ L và ông V1 về hình thức vi phạm các Điều 24, 41, 59 Nghị định số 75 của Chính phủ quy định về chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch, khi chứng thực các ông bà đã hơn 80 tuổi không còn minh mẫn, chữ ký của ông V1 và thư viết tay ngày 29/5/2006 của ông V1 là không giống nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để giám định lại chữ ký của ông V1 để chứng minh ông V1 không có đến Ủy ban nhân dân xã chứng thực hợp đồng tặng cho. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận việc giám định đề nghị hủy hợp đồng tặng cho để chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Huỳnh Văn V1: Các thửa đất số 332A, diện tích 3.567m², thửa đất số 330, diện tích 280m², thửa đất số 227, diện tích 849m² của cụ H5, cụ L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Năm 2012, cụ H5, cụ L tặng cho hộ ông V1 các thửa đất trên, hợp đồng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chứng thực theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện C khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông V1 là đúng. Sau khi được cấp giấy ông V1 thế chấp vay vốn ngân hàng và chuyển nhượng một phần cho ông D làm đường đi không ai ý kiến. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bên nguyên đơn có xuất trình thư viết tay của ông V1 khác chữ ký tên của ông V1 trong hợp đồng tặng cho nên đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bên nguyên đơn cho ngừng phiên tòa để giám định chữ ký của ông **V1**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020 của ông **Huỳnh Văn H** yêu cầu Tòa án Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ cụ **Huỳnh Văn H5** với hộ ông **Huỳnh Văn V1** đối với ba thửa đất số 332A, diện tích 3.567m², thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa đất số 227, diện tích 849m². Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 332A, diện tích 3.567m², loại đất ở và trồng cây lâu năm; thửa đất số 330, diện tích 280m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 227, diện tích 849m², loại đất trồng cây lâu năm; các thửa đất đều tọa lạc tại **ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh** cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông **Huỳnh Văn V1**. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất nêu trên. Tòa án nhân dân huyện Càng Long xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về thừa kế tài sản là chưa hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong vụ án này phải xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp thừa kế tài sản, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo quy định khoản 5, khoản 11 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long kháng nghị điểm này là có căn cứ, tuy nhiên thiếu sót này cũng không ảnh hưởng việc giải quyết nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa hôm nay là mở lần thứ hai bà **Huỳnh Thị Đ** và **Huỳnh Thị Q** vắng mặt lần thứ hai coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà **Huỳnh Thị Đ** và **Huỳnh Thị Q**.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long.

Các đương sự thừa nhận thửa đất số 332A, diện tích 3.567m², thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa đất số 227, diện tích 849m² của cụ **Huỳnh Văn H5** và cụ **Huỳnh Thị L**. Cụ **Huỳnh Văn H5**, cụ **Huỳnh Thị L** có chung 08 người con gồm **Huỳnh Thị N**, **Huỳnh Thị Q**, **Huỳnh Thị Đ**, **Huỳnh Thị T**, **Huỳnh Thị R**, **Huỳnh Thị H2**, **Huỳnh Văn H**, **Huỳnh Văn V1**. Cụ **H5** và cụ **L** cùng chết năm 2016, không để lại di chúc. Tài sản là thửa đất số 227, diện tích 849m²; Thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa đất số 332A, diện tích 3.567m² là của cụ **H5**, cụ **L**. Ngày 27/6/2012, cụ **H5**, cụ **L** tặng cho hộ ông **Huỳnh Văn V1** các thửa đất 227, 330, 332A. Ngày 27/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Huỳnh Văn V1**.

[3] Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ **H5**, cụ **L** và ông **V1** lập ngày 27/6/2012.

Hợp đồng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực, hợp đồng thực hiện đúng theo quy định tại Điều 467, từ Điều 722 đến 726 của Bộ luật Dân sự 2005.

Các thửa đất 227, 330, 332A được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Huỳnh Văn H5 vào năm 1996. Tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất hộ gia đình có cụ H5 và cụ L và 02 cụ không sống chung với người con nào (Bút lục 154).

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực theo số 106, quyền số 1/TP/CC/HĐGD ngày 27/6/2012 (Bút lục 170-171). Qua xác minh đối với người chứng thực hợp đồng xác định thời điểm ký hợp đồng các bên tham gia hợp đồng đều tiếp xúc tốt, không có biểu hiện của người bị bệnh mất trí nhớ, các bên tham gia hợp đồng đều có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ để ký tên, điểm chỉ và trước khi ký, điểm chỉ cán bộ tham mưu có đọc lại nội dung hợp đồng cho các bên nghe đồng ý mới ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng. Việc chứng thực hợp đồng đúng theo quy định tại Điều 11, Điều 14, Điều 24 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản số 2172/UBND-NC ngày 25/7/2023 trả lời cho Tòa án khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn V1 là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật (Bút lục 173-174).

Sau khi được cấp quyền sử dụng đất ông Huỳnh Văn V1 đã thế chấp vay tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện C và đến năm 2014 chuyển nhượng một phần cho ông Huỳnh Văn D để làm đường đi, đến khi cụ H5 và cụ L mất các cụ không có khiếu nại gì về việc ông V1 thế chấp quyền sử dụng đất và chuyển nhượng cho ông D.

Từ các chứng cứ nêu trên việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ H5, cụ L và ông V1 là hợp pháp nên kháng cáo của ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị R, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị Q và Huỳnh Thị H2, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long về án phí.

Bản án sơ thẩm buộc ông Huỳnh Văn H phải chịu 12.232.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại điểm a, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: “Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm”. Do đó ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long được chấp nhận.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan bên nguyên đơn, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử dừng phiên tòa để giám định chữ ký tên của ông V1 Hội đồng xét xử nhận thấy ông V1 là

người được tặng cho đất, sau khi được tặng cho đất, ông đem đi thế chấp tại Ngân hàng để vay nợ và ông cũng lấy một phần đất chuyển nhượng cho ông **D** nên việc giám định chữ ký của ông **V1** là không cần thiết. Mặc khác ông **V1** cũng không có khiếu nại việc được tặng cho đất hay khiếu nại gì về chữ ký của ông nên không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn và của kiểm sát viên.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn là phù hợp với các chứng cứ và tình tiết của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[7] Về án phí phúc thẩm: yêu cầu kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng các đương sự **Huỳnh Văn H**, bà **Huỳnh Thị R**, **Huỳnh Thị T**, **Huỳnh Thị Đ**, **Huỳnh Thị Q** là người cao tuổi xin miễn án phí nên chấp nhận miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 , khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166, Điều 170, Điều 179 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà **Huỳnh Thị Đ** và bà **Huỳnh Thị Q**.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Huỳnh Văn H**, bà **Huỳnh Thị R**, **Huỳnh Thị T**, và **Huỳnh Thị H2**.

- Chấp nhận một phần kháng nghị số 14/QĐ-VKS-DS ngày 03/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Văn H** về việc Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ cụ **Huỳnh Văn H5** với hộ ông **Huỳnh Văn V1** đối với các thửa đất số 227, diện tích 849m²; thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa đất số 332A, diện tích 3.567m². Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 227, diện tích 849m²; Thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa đất số 332A, diện tích 3.567m² đã được Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Huỳnh Văn V1**. Và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất số 227, diện tích 849m²; thửa đất số 330, diện tích 280m² và thửa

đất số 332A, diện tích 3.567m².

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị sửa tiếp tục có hiệu lực thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H không phải chịu. Hoàn trả 1.174.000 đồng tạm ứng án phí nộp theo biên lai thu tiền số 0004021 ngày 03/12/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long cho ông H.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị R, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị Q. Bà Huỳnh Thị H2 phải chịu 300.000 đồng. Ông H, bà H2 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001366 ngày 03/01/2024 nên cân trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Càng Long
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung